

DIỄN BIẾN TRONG Ý NGHĨA, CHỨC NĂNG CỦA NHÓM HỮU TỪ “KHÔNG, CHẴNG, CHẴNG” TỪ THẾ KỈ 15 ĐẾN NAY

VŨ ĐỨC NGHIỆT

1. Trong tiếng Việt hiện nay, các từ *đừng, chớ, chưa, chữa, không, chẳng, chẳng* *chả* đều có mang nghĩa phủ định. Tuy nhiên chúng không hoàn toàn như nhau và trong nội bộ nhóm này còn có thể chia thành nhóm nhỏ hơn. Trước hết, có thể tách riêng *đừng* và *chớ* thành nhóm có ý nghĩa phủ định — cấm đoán. Trong số còn lại, có thể lấy tiêu chuẩn ý nghĩa phủ định — nghi vấn về mặt thời gian để tách *chưa* (*chữa*) đứng riêng ra một bên. Còn lại ba từ *không, chẳng, chẳng* làm thành một nhóm mang ý nghĩa phủ định và nghi vấn, giả thiết nói chung. (Sở dĩ nói còn lại ba từ vì *chả* chính là *chẳng* trong khẩu ngữ và hai biến thể này không khác nhau về ý nghĩa, chức năng). Mặc dù vậy, trong phạm vi này, chúng vẫn khác nhau: và những diễn biến về ý nghĩa, chức năng của chúng từ trước đến nay cũng không giống nhau. Trong bài này, chúng tôi đặt vấn đề xem xét những diễn biến đó.

2. Trước hết nói về ý phủ định.

2. a. Qua khảo sát, cứ liệu phản ánh cho thấy ngay sự tranh chấp địa vị của *không, chẳng* và *chẳng* trong việc biểu thị ý nghĩa này. Đầu tiên là sự tranh giành giữa *chẳng* với *chẳng*. Đề bày tỏ ý phủ định, *Quốc âm thi tập* [1] và *Hồng đức quốc âm thi tập* [2] (hai bản thành văn thế kỉ 15) chủ yếu dùng hai từ này. Tại đây, ý phủ định của *chẳng* và *chẳng* hoàn toàn như nhau; và chúng chiếm ưu thế tuyệt đối về phạm vi sử dụng so với *không*. Ví dụ:

Triều quan *chẳng* phải, ăn *chẳng* phải, ([1] bài 18)

Mài *chẳng* khuyết, nhuộm *chẳng* đen ([1] bài 69)

Ở những vị trí phủ định như thế, *chẳng* và *chẳng* hoàn toàn có thể thay thế được nhau. Trong [1] và [2] chúng ta có thể gặp những kết hợp như:

— *Chẳng* có, *chẳng* quản, *chẳng* hay, *chẳng* còn, *chẳng* bằng, *chẳng* lọt, *chẳng* ham, *chẳng* yêu.

— *Chẳng* nở, *chẳng* tha, *chẳng* về, *chẳng* có, *chẳng* kém, *chẳng* bẻ, *chẳng* được, *chẳng* còn, *chẳng* khứng, *chẳng* đen.

Điều này có lí do lịch sử của nó. *Chẳng* là biến dạng ngữ âm của *chẳng* (có nghĩa là *trái*) của tiếng Việt xưa (xem [12]). Ở thế kỉ 15, vì chưa phân biệt với nhau về chức năng, vị trí một cách rạch ròi nên khi thay thế nhau chúng không mang lại một khác biệt nào. Trong QATT, HQT và cả thơ nôm của Nguyễn Bỉnh Khiêm thế kỉ 16 cũng vậy (xem [3]) tùy theo vần luật thơ mà có thể dùng

chăng hay *chăng*. Do đó, con số thống kê của *chăng* và *chăng* trong những tác phẩm này có thể ít nhiều sẽ không phản ánh hoàn toàn tuyệt đối chính xác được thực chất địa vị, năng lực hoạt động của chúng trong tiếng Việt xưa. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng những số liệu đó vẫn cho ta được những đánh giá cần thiết nếu so sánh và cân nhắc một cách thận trọng.

Tiếp tục xem xét thêm cả *Phép giảng tám ngày...* của A. de. Rhodes thế kỉ 17 (xem [4]), *Truyện Kiều* thế kỉ 18 (xem [5]) và *Từ điển tần số tiếng Việt* (xem [6]) chúng tôi thấy số lần xuất hiện của *chăng* và *chăng* như sau. (Bảng 1)

Tác phẩm \ Từ	1	2	3	4	5	6
Chăng	53	27	45	32	19	89
Chăng	128	103	72	691	107	518

Như vậy, về mặt số lượng, nguồn ngữ liệu nào kể trên cũng cho thấy *chăng* được dùng nhiều lần hơn *chăng* gấp bội. Có thể nói từ thế kỉ 15, *chăng* đã hoàn toàn lấn át *chăng* về địa vị và mức độ sử dụng.

2. b. Bên cạnh *chăng* và *chăng*, từ phủ định *không* đã xuất hiện trong *Quốc âm thi tập*. Sự hiện diện thêm từ *không* đã tạo ra một tương quan mới giữa ba từ với nhau. Vốn là một từ gốc Hán với ý nghĩa « trống rỗng », *không* đi vào tiếng Việt, rồi biểu thị thêm ý nghĩa « không tồn tại »; sau đó tiến tới biểu thị ý phủ định như hiện nay.

Trong các tác phẩm thế kỉ 15, 16, *không* xuất hiện khá nhiều (trong *Quốc âm thi tập* 15 lần, *Hồng Đức quốc âm thi tập* 21 lần, thơ nôm Nguyễn Bình Khiêm 21 lần); nhưng lần sử dụng thực sự với tư cách là từ phủ định của nó còn rất thấp so với *chăng* và *chăng*. Cụ thể là: nó góp mặt với tư cách đó trong QATT 4 lần (ở bài 19, 29, 32, 189) trong HBQATT 3 lần (ở bài 56 Thiên địa môn; bài 28 Nhân ngàm chư phẩm tập; bài 26 Phong cảnh môn) trong thơ nôm Nguyễn Bình Khiêm 7 lần (ở bài 19, 38, 39, 53, 65, 101, 131). Ví dụ:

Túi đã *không* tiền không chác rượ. ([1]. b. 189)

Phơi buồm ngăn gió trần *không* bám ([2] b. 56. Nhân ngàm)

Người phu song trời *không* nữ phụ ([3] b. 131)

Dạng chú ý là trong *Phép giảng tám ngày...* từ *không* được dùng 30 lần nhưng không có lần nào dùng với tư cách từ phủ định. Tất cả mọi chỗ có thể dùng từ phủ định *không* trong tác phẩm này đều chỉ dùng từ *chăng*. Ví dụ: Song le linh hồn là tinh thiêng *chăng* hay môn *chăng* hay nát, *chăng* hay chết *chăng* phải bởi cha mẹ mà ra thật bởi bề trên mà có. (Xem [4] tr.6)

Từ điển Việt - Bồ đào nha - La tinh của A. de. Rhodes (xem [7]) cũng *không* thấy đưa *không* vào danh sách từ ngữ mà chỉ có *chăng* được đưa vào.

Có thể đặt một câu hỏi là: *chăng* lẽ ý nghĩa và chức năng phủ định của *không* đã từng xuất hiện từ thế kỉ 15, 16 mà đến thế kỉ 17 tự dung lại mất đi, rồi sau đó mới dẫn đến tình trạng như hiện nay? Về nguyên tắc, trong lịch sử ngôn ngữ

hoàn toàn có thể có những hiện tượng như vậy; nhưng ở đây cần phải đặc biệt chú ý rằng bản thân *de*. Rhodes là người nước ngoài dùng tiếng Việt, nên có thể ngờ tới khả năng *de*. Rhodes đã « bỏ sót » ý nghĩa, chức năng phủ định của từ *không*. Nếu quả đúng như thế thì điều này càng chứng tỏ cương vị làm từ phủ định của *không* cho đến lúc đó vẫn còn chưa được hoàn toàn vững vàng. Do vậy hiện tượng nêu ra trên đây chỉ để tham khảo mà thôi; bởi vì lùi sang thế kỉ 18. *Truyện Kiều* dùng *không* 36 lần nhưng đã có 12 lần thực sự là từ phủ định trước danh từ, động từ..., (trong các câu 75, 88, 91, 764, 1536, 1816, 2076, 2225, 2613, 2664, 2965). Ví dụ: Ở *không* yên ổn, ngồi *không* vững vàng (câu 2664).

+ 2 lần làm từ phủ định chung (Rằng *không* thì cũng vâng lời rằng *không* — câu 1176).

+ 9 lần dùng trong các lò hợp như *bỗng không*, *không* *đưng* hoặc *nơi không*, *nư không*... (ở các câu 236, 1164, 1566, 1304, 2100, 2694, 2814, 2556, 3166).

Tuy nhiên tại đây *không* vẫn chưa lấn át, thậm chí chưa hề đạt được vị trí ngang bằng với *chẳng* về số lần sử dụng (Trong *Truyện Kiều*, *chẳng* được dùng 107 lần).

Như vậy, từ QATT đến *Truyện Kiều*, tình thế của *không* chưa mạnh, nhưng đã được khẳng định dần dần về sau, khi *không* đã cùng với *chẳng* đầy *chẳng* ra khỏi vị trí phủ định vốn có của nó rồi, thì *không* càng ngày càng « lấn tới » hơn nữa, đến mức tương đương, tranh chấp địa vị với *chẳng* và kết cục là lấn át cả *chẳng*.

Điều đó thể hiện rõ khi: a/ Chúng tôi thống kê, chia tách từ *chẳng* ở bảng 1 lấy số lần mang ý phủ định, làm từ phủ định và số lần mang ý nghi vấn, giả thiết / làm từ đề hỏi; đồng thời so sánh tiếp với *chẳng* trong [6] và được bảng 2 sau đây

Tác phẩm Chẳng	1	2	3	4	5	6
— Dùng với ý phủ định	51	22	42	0	3	0
— Dùng với ý nghi vấn, giả thiết	2	5	3	32	15	89

Bảng 2 này phản ánh sự rút lui dần đến mức bị loại trừ hẳn khỏi vị trí chức phận làm từ phủ định của *chẳng* (vì bị *chẳng* và *không* lấn át).

b/ So sánh lần số sử dụng của *không* (không phủ định « chân chính ») và *chẳng* trong 1, 2, 3, 4, 5, 6 với lần số sử dụng chúng trong ngôn ngữ truyện kí tiếng Việt hiện đại... trong ngôn ngữ báo chí chính luận Việt Nam [9], chúng tôi được bảng 3 phản ánh sự lấn át của *không* đối với *chẳng* như sau:

Tác phẩm từ	1	2	3	4	5	8	9	6
Không	4	3	7	0	14	1968	732	3954
Chẳng	128	103	72	691	107	270	19	518

2. c. Hiện nay, chẳng những *không* đã có được ưu thế áp đảo so với *chẳng* về mặt sử dụng mà nó còn phân biệt với *chẳng* ở những nét rất tế nhị.

2. c. 1. Trong câu mệnh lệnh, câu khiến mà có ý ngăn cản cấm đoán thì chỉ dùng từ *không*, còn *chẳng* thì không tham dự vào việc biểu thị ý nghĩa này. So sánh:

- Yêu cầu các bạn *không* mất trật tự (+).
- Yêu cầu các bạn *chẳng* mất trật tự (—)

Có thể thấy rằng hiện nay từ *không* ngoài chức năng làm từ phủ định còn có khả năng biểu thị ý cấm đoán mà từ *chẳng* không hề có được, ý cấm đoán của *không* gần gũi với phía nội dung của *đừng* và *chớ*, nhưng đó là cái phát triển hậu kì, gần đây, mà hồi thế kỉ 15 chưa hề thấy có ở từ này.

2. c. 2. *Chẳng* mang sắc thái phủ định mạnh hơn *không* với nội dung « chắc chắn là không; dứt khoát là không ». Ví dụ:

Mắt Hà vẫn không rời hình vẽ. Hà tô đi tô lại cái hình đến thủng cả giấy. Vẫn *chẳng* nghĩ ra. ([10] tr. 25).

2. c. 3. *Chẳng* không thể thay thế cho *không* với ý nghĩa « trống rỗng », « không tồn tại » trong những tổ hợp như: *tay không*; *ăn không*; *để không*; *vườn không nhà trống*...

Ngược lại, mặc *không* có thể thay thế được *chẳng* trong một số tổ hợp như *chẳng lẽ không lẽ*, *chẳng những không những*.. nhưng không phải bao giờ cũng thế. *Không* không thể thay thế được *chẳng* trong những tổ hợp như: *chẳng qua chẳng tha, chẳng hóa ra*...

Nói khác đi, ở đôi chỗ, *không* và *chẳng* đã tiến tới một thể phân phối bổ túc với nhau.

3. Ý nghĩa nghi vấn, giả thiết.

3. a. Từ xưa đến nay, từ *chẳng* chưa bao giờ được dùng để thể hiện ý nghĩa này. Vì thế ở đây, *chẳng* sẽ không được bàn đến mà sẽ chỉ còn *không* và *chẳng* được xem xét mà thôi.

Như trên đã nói, từ *chẳng* bị *không* và *chẳng* chèn ép. Vì thế, nó phải thay đổi. Một mặt, *chẳng* bị gạt dần khỏi vị trí làm từ phủ định; vị trí này được nhường lại cho *không* và *chẳng*; mặt khác, nó nhận thêm và tăng cường ý nghi vấn, dám nhận một vai trò làm từ đề hỏi. Ý nghĩa nghi vấn, giả thiết của *chẳng* đã từng có từ thời Quốc âm thi tập và Hồng đức quốc âm thi tập. Ví dụ:

- Nghìn vàng ước đổi được hay *chẳng*? ([1]/ bài 77)

— Biết sự nhân tình biết vững *chăng*? ([2] bài 17, thiên địa...). Càng về sau, *chăng* càng được dùng nhiều với ý nghĩa này. Bảng thống kê số 2 ở trên cho thấy xu hướng giảm dần chức phận phủ định đến mức hiện nay đã mất hẳn đi và tăng dần chức phận làm từ đề hỏi của *chăng*. Có thể hình dung những thay đổi đó như là một sự đáp đổi, bù trừ để luôn luôn « làm đầy » mặt nội dung, chức phận của *chăng*: giảm dần nội dung này thì đồng thời tăng dần nội dung kia.

3. b. Đối với từ *không*, trước *Truyện Kiều*, nó chưa được dùng với ý nghĩa nghi vấn; nhưng trong *Truyện Kiều* thì chúng tôi gặp *không* với ý nghĩa này được dùng 7 lần. (ở các câu 182, 496, 2182, 2194, 2276, 2328, 3038). Chẳng hạn:

Mắt xanh *chăng* đề ai vào có *không*?

Từ *Truyện Kiều* đến nay, xu thế từ *không* đứng cuối câu làm từ đề hỏi phát triển rất mạnh. Trong tiếng Việt hiện đại, bất cứ chỗ nào cũng có thể gặp nó ở cương vị đó; và cũng ở ngay tại cương vị đó, nó đã chiếm ưu thế hơn hẳn so với *chăng* về phương diện sử dụng. Có thể lập bảng thống kê so sánh số lần sử dụng làm từ đề hỏi của *không* và *chăng* trong các tác phẩm đã dẫn như sau (bảng 4)

Từ \ Tác phẩm	1	2	3	4	5	6
Không	0	0	0	0	7	231
Chăng	2	5	3	32	19	89

Rõ ràng, về mặt thời gian, *chăng* được dùng làm từ đề hỏi trước *không*. Điều này còn do cả thời gian « nhập tịch » của *không* vào tiếng Việt chi phối. Chỉ sau khi đã khẳng định được cương vị làm từ phủ định chân chính và chắc chắn của mình rồi, đã cùng với *chăng* gạt bỏ được *chăng* ra khỏi cương vị làm từ phủ định đôi, thì *không* mới có thêm được chức phận làm từ đề hỏi giống như *chăng*.

Như vậy là *không* vừa tham gia vào thế giành giật cương vị từ phủ định của *chăng*, lại cùng với *chăng* tiến tới cương vị làm từ đề hỏi (mặc dù *chăng* ở cương vị này trước *không* rất nhiều) (xem bảng 4). Kết cục, tại cương vị làm từ đề hỏi *không* vẫn không chịu « lép vế » so với *chăng*. Nó vẫn tiếp tục lấn át *chăng* về phương diện sử dụng đến mức giành ưu thế hơn hẳn về số lượng như ta có thể thấy hiện nay.

3. C. Ngày nay, tuy rằng *chăng* bị *không* lấn át như thế, nhưng nó vẫn tồn tại và bảo toàn được giá trị của mình là vì giữa hai từ này có những khác biệt khá đa dạng.

3. c. 1. Trước hết, *không* tạo ra câu hỏi có yêu cầu trả lời khẳng định hoặc phủ định. Ví dụ:

— Em có làm được *không*?

— Dạ, thưa anh làm được ạ ([11] tr. 41)

(Cái yêu cầu trả lời đó làm cho *không* có nét như *chưa*, *chửa* vì câu hỏi dùng một trong những từ này luôn đòi hỏi được trả lời). Trong khi đó, *chăng* cũng

tạo câu hỏi nhưng hỏi mà không bắt buộc nhất thiết phải trả lời. Đó là một khác biệt quan trọng so với *không*. Vì vậy nó thường hay được dùng để tạo câu hỏi trong ngôn ngữ nghệ thuật, thơ ca hơn là *không*. Ví dụ:

— Gặp đây anh năm cỏ tay

Anh hỏi câu này, có lấy anh chăng? (ca dao)

— Nhớ chăng em cái mùa mưa đối quay đối quất (Dương Hương Li)

3. c. 2. Nếu khi làm từ đề hỏi *không* biểu thị ý nghi vấn thì bên cạnh ý nghi vấn, từ *chăng* còn có ý nêu giả thiết. Mặc dù có thể được đặt lên ở vế đầu của câu theo mẫu *A chăng — B* nhưng có khi là câu hỏi, có khi là câu nêu giả thiết. Ví dụ:

— Có nhớ chăng hơi gió rét thành Ba Lê (Chế Lan Viên)

— Chầy chăng cũng một năm sau với gì (Truyện Kiều)

Nếu mẫu *A chăng — B* mà thay thế được bằng *A không — B* hoặc *có A không — B* thì từ *chăng* ở đây chắc chắn chỉ biểu thị ý nghiã nghi vấn (hỏi).

So sánh hai câu trên đây:

— Có nhớ chăng... có nhớ không... (+)

— Chầy chăng... chầy không... (—)

Vậy câu trước là câu đề hỏi, câu sau nêu ý giả thiết.

Như thế là, mặc dù ý phủ định của *chăng* đã bị bào mòn nhưng chưa hết, vẫn có thể khôi phục được ít nhiều. Và có lẽ nhờ đó nên nó mới « tự hội » được với *không* ở cương vị làm từ đề hỏi.

Tuy nhiên, cũng có chỗ, ý phủ định của *chăng* đã bị bào mòn hoàn toàn (Ví dụ trong các tổ hợp như: *chăng nhẽ, chẳng mà, chẳng là, chẳng nữa...*). Những tổ hợp có *chăng* như thế đã mang những ý nghĩa và chức năng hết sức đa dạng. Mặt khác, trước đây, có khi *chăng* còn được dùng với tư cách như từ đệm sao, ư... (Chẳng hạn: Nàng đã biết đến ta chăng — *Truyện Kiều*) nhưng những điểm đó không phải là mục đích quan tâm miêu tả của chúng tôi ở đây.

Như vậy, rõ ràng là nhìn từ thời *Quốc âm thi tập* đến nay, từ *chăng* vẫn còn ít nhiều bảo lưu được ý nghĩa phủ định của mình, nhưng phạm vi hoạt động với tư cách một từ phủ định đã bị tước đi dần dần cho đến hết. Để bù đắp vào phần « hao mòn » đi đó, *chăng* tiếp nhận ý nghĩa nghi vấn, giả thiết để tiến tới cương vị chắc chắn của một từ đề hỏi, với những nét tương đồng và khác biệt cần thiết đối với *không*.

4. Kết luận.

Từ hai thực từ ban đầu (*chăng* và *không* một gốc Việt, một gốc Hán), ngày nay tiếng Việt có ba từ *chăng, chẳng* và *không* cùng đứng trong một nhóm lớn hơn với các từ phủ định: *đừng, chớ, chưa (chửa)*.

Diễn biến của ba từ đó là một trong những minh chứng về quá trình giải tỏa ngữ nghĩa, quá trình hư hóa của những thực từ để trở thành hư từ (từ công cụ).

Đồng thời với quá trình đó, những tranh chấp về địa vị trong hệ thống từ vựng và sự phân bố lại vị trí của chúng trên trục tuyến tính đã xảy ra. Có thể hình dung những bước cơ bản trong diễn biến của *không*, *chẳng* và *chẳng* như sau.

a/ Trước hết *không* xuất hiện, nhập tịch vào tiếng Việt rồi cùng với *chẳng* gạt *chẳng* ra khỏi vị trí làm từ phủ định. Kế đó, một mặt *không* và *chẳng* hội tụ ở chức phận làm từ phủ định, nhưng mặt khác, chúng phân biệt với nhau về sắc thái và mức độ phủ định. Về năng lực hoạt động hay mức độ sử dụng, *không* đã dần dà chiếm ưu thế hơn hẳn so với *chẳng*. Tuy vậy, hiện nay, mặc dù có những vị trí đã bị *không* độc chiếm hoàn toàn mà *chẳng* không thể nào len chân vào được nhưng cũng có những vị trí chỉ chấp nhận *chẳng* mà không bao giờ chấp nhận *không*.

b/ Sau khi bị *không* và *chẳng* gạt khỏi cương vị làm từ phủ định, *chẳng* vẫn bảo lưu ý nghĩa phủ định của mình, nhưng rút lui vào một số tổ hợp. Đó là một mặt. Mặt khác, nó lại nhận thêm, gia tăng ý nghĩa nghi vấn giả thiết. Đó là điểm mà nó hội tụ với từ *không* về sau này ở cương vị làm từ đề hỏi.

Thế nhưng tại đây, ưu thế về mặt sử dụng lại vẫn thuộc về *không* mặc dù *chẳng* chiếm lĩnh cương vị làm từ đề hỏi trước *không* khá xa.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Quốc âm thi tập (QATT) trong *Nguyễn Trãi toàn tập*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
2. *Hồng đức quốc âm thi tập* (HQATT). Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.
3. *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Nxb Văn học, Hà Nội 1983.
4. A. de. Rhodes: *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội mà vào đạo thánh Đức chúa trời*. Roma, 1651. Bản dịch chép tay phòng tư liệu khoa Ngữ Văn, ĐHTH Hà Nội.
5. Đào Duy Anh. *Từ điển Truyện Kiều*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
6. Nguyễn Đức Dân. *Dictionnaire de Frequence du Vietnamien*. Université de Paris 7.
7. A. de. Rhodes. *Từ điển Việt — Bồ đào nha — La tinh*. Roma, 1651. Phòng tư liệu khoa Ngữ Văn ĐHTH Hà Nội.
8. Vũ Thế Thạch, Phạm Thị Cơi. *Một vài nhận xét về sự phân bố từ vựng của Truyện và kí tiếng Việt hiện đại*. Ngôn ngữ N° 2/1976.
9. Hà Quang Năng, Phạm Ngọc Tinh. *Vài nhận xét về sự phân bố từ loại trong ngôn ngữ báo chí, chính luận Việt Nam*. Ngôn ngữ N° 4/1976.
10. Lê Phương Liên. *Những tia nắng đầu tiên*. Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 1979.
11. Tạp chí Văn nghệ quân đội 6/1975.
12. Viện Đông Nam Á UBKHXH Việt Nam. *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*. Hà Nội, 1983, Tr. 314.

ВУ ДЫК НГИЭУ. ИЗМЕНЕНИЕ ЗНАЧЕНИЯ И ФУНКЦИИ ГРУПЫ
СЛУЖЕБНЫХ СЛОВ *Không, chẳng, chẳng* С XV^{ого} ВЕКА ДО ЭТОГО ВРЕМЕНИ

Сопоставляя статистические материалы и анализируя различия слов *Không, chẳng, chẳng*, с отрицательным, вопросительным и гипотетическим значениями, в работе производится изменение значения и функции этих слов с XV^{ого} века до этого времени.

VŨ ĐỨC NGHIỆU. THE CHANGES IN MEANINGS AND FUNCTIONS OF
THE SYNTACTIC WORDS *KHÔNG, CHẴNG, CHẴNG* SINCE THE 15th CEN-
TURY UP TO NOW.

Through the comparison of statistical data and the analysis of the differences in negative, interrogative and hypohetic meanings of *không, chẳng, chẳng*, the report presents the changes in meanings and functions of these words since the 15th century up to now.